

Số 28 /GXN-TCMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án “Đầu tư và nâng công suất nhà máy sản xuất các sản phẩm hóa dùng trong xây dựng và công nghiệp từ 28.815 lên 48.275 tấn/năm” tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty Sika hữu hạn Việt Nam.
- Địa chỉ và địa điểm hoạt động: Đường số 10, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0613.560700 Fax: 0613.560699
- Tài khoản số: 1000264050 tại Ngân hàng Deutsche - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 472043000184. Ngày cấp 31/12/1993, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 20/5/2014, nơi cấp Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án số 1855/QĐ-BTNM ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư và nâng công suất nhà máy sản xuất các sản phẩm hóa dùng trong xây dựng và công nghiệp từ 28.815 lên 48.275 tấn/năm” tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như mục I (02);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;
- VPMC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSMT (02), Qn.09.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 28 /GXN-TCMT ngày 15 tháng 3 năm 2016
của Tổng cục Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:

Công ty đã có hệ thống thu gom nước mưa, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất riêng biệt. Các công trình thu gom và xử lý nước thải bao gồm:

1.1. Về nước thải sinh hoạt:

- Phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của các cán bộ, công nhân viên được thu gom vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó đầu nối về trạm xử lý nước thải cục bộ của nhà máy;
- Nước thải từ khu vực canteen được thu gom vào bể tách dầu để loại bớt dầu mỡ trong nước thải sau đó được đưa về trạm xử lý nước thải cục bộ của nhà máy.

1.2. Về nước thải sản xuất:

- Nước thải sản xuất được thu gom về trạm xử lý nước thải cục bộ của nhà máy có công suất 30 m³/ngày.đêm;
- Nước làm mát trong quá trình sản xuất các sản phẩm hoá gốc PVC (Waterbars) của nhà máy khoảng 0,5 m³/ngày.đêm, được thu gom vào trạm xử lý nước thải cục bộ của nhà máy.
- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Hồ gom & Bể điều hòa → Bồn khuấy trộn 1 → Bồn keo tụ 1 → Bồn lắng 1 → Bể trung gian 1 → Bể sinh học hiếu khí (Bùn được đưa vào máy ép bùn) → Bể trung gian 2 → Bồn khuấy trộn 2 → Bồn keo tụ 2 → Bồn lắng 2 → Đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I.
- Nước thải sản xuất sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định của KCN được đầu nối vào hệ thống thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch 1.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

Công ty đã lắp đặt hệ thống lọc bụi tay áo - rung giữ khí nén để xử lý bụi phát sinh tại công đoạn nhập liệu vào bồn trộn và đóng gói của quá trình sản xuất bột. Tóm tắt quy trình công nghệ như sau:

Quy trình công nghệ xử lý: Bụi khí thải → Quạt hút vào miệng ống hút → Túi vải lọc → Rung giữ bằng khí nén → Ống khói.

3. Công trình xử lý và quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải công nghiệp thông thường khoảng 76.336 kg/năm như bao bì bằng giấy, thùng phuy sắt, thùng phuy nhựa, bao bì nhựa được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom và tái chế.
- Chất thải công nghiệp không tái chế khoảng 110.500 kg/năm như bê tông, gỗ thải, bụi xi măng, bụi cát Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Nhật Minh Trung.

Đối với chất thải nguy hại (CTNH):

- Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích 20 m², khu lưu giữ CTNH đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, phân khu riêng biệt, khu vực lưu giữ CTNH

KL

2

có mái che, vách ngăn, rãnh thu gom, có biển báo, dán nhãn, và các phương tiện phòng ngừa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Khu vực lưu giữ bao bì chứa hoá chất đã qua sử dụng chờ mang đi tái chế đã được Công ty bố trí đê chắn và hố thu gom hóa chất khi gặp sự cố tràn đổ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

4. Công trình, thiết bị, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình, biện pháp, giải pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường khác:

- Nước mưa được thu gom qua các máng thu trực tiếp sau đó theo các ống dẫn bằng nhựa PVC chảy vào các hố thu gom và đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN.
- Nhà máy Sika hữu hạn Việt Nam sử dụng nhiều dạng nguyên liệu và hoá chất cho nhu cầu sản xuất. Công ty đã thực hiện phân loại từng sự cố. Đối với từng loại sự cố từng khu vực Công ty đề ra các phương án, biện pháp phòng ngừa và ứng phó để hạn chế thấp nhất tác động trong các trường hợp xảy ra;
- Công ty đã được Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất của Công ty Sika Hữu hạn Việt Nam số 49/XN-SCT ngày 07/5/2015;
- Công ty đã được Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số 348/TD-PCCC ngày 30/10/2013.

5. Chương trình giám sát môi trường của cơ sở:

5.1. Chương trình giám sát môi trường xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 09 vị trí (khu vực Văn phòng; khu vực nhập liệu; khu vực canteen; bồn chứa sản phẩm lỏng; khu vực sản xuất keo Epoxy; khu vực sản xuất sản phẩm lỏng; khu vực sản xuất sản phẩm bột; kho trong xưởng; khu vực sản xuất sản phẩm gốc PVC (Waterbars)).
- Thông số giám sát: Bụi, Bụi silic, CO, SO₂, NO_x, formaldehyde, styren, các chỉ tiêu vi khí hậu: Độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió, chỉ tiêu tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh: TCVN 5508:2009, Tiêu chuẩn VSLĐ 3733:2002.

5.2. Chương trình giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (khí thải lò hơi; khí thải sau hệ thống lọc bụi rung rũ khí nén).
- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x,
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1,0, K_v = 0,8).

5.3. Chương trình giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (nước thải trước khi xử lý và nước thải sau khi xử lý).
- Thông số giám sát: (pH, COD, BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Phospho, tổng dầu mỡ,



Handwritten mark

Handwritten mark

tổng coliform, Cadimi (Cd), thủy ngân, Asenic (As), Chì (Pb)).

- Tiêu chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I.

5.4. Chương trình giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí (khu vực nhà chứa chất thải rắn, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại).
- Thông số giám sát: (khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại).
- Quy định căn cứ: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(Chương trình giám sát môi trường kèm theo Giấy xác nhận này thay thế nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt)

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

- Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:
- Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số 28 /GXN-TCMT do Tổng cục Môi trường cấp 01 ngày 15 tháng 3 năm 2016”.

7. Các yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



W

2